

Số: 74/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 28 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Ông Trần Văn Chánh

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 649/2019/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: đường ĐT743, khu phố Đồng An 2, phường A, thị xã Q, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Long Đức 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn P, sinh năm 1978 và bà Lê Thị G, sinh năm 1978 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Lê Huy, sinh ngày 12/02/2009 và Hồ Lê Hải Âu, sinh ngày 10/6/2014. Ly hôn, giao cháu Hồ Lê Huy, sinh ngày

12/02/2009 và Hồ Lê Hải Âu, sinh ngày 10/6/2014 cho bà G trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, ông P và bà G được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là các đương sự trình bày không có và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí HNGĐ-ST: Ông Hồ Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu số 0004497 ngày 27/3/2019. Ông P phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND xã T, TPBH (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương